

Bản án số: 35/2021/HS-ST
Ngày 05 - 02 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thu Vân

2. Bà Thái Thục Hiền

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Quốc Thái - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 250/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn N; sinh năm 1998, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 1172/15 P.T.H, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Lệ T; tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 21/5/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn do có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số 154/QĐ-UBND).

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/10/2020 đến nay. (có mặt)

2. Lê Hoàng S; sinh năm 1997, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 769/44/4E P.T.H, Phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Q và bà Nguyễn Thị Phương T; tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 26/12/2018, Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh ra áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời hạn 15 tháng (Quyết định số: 633/2018/QĐ-TA). Chấp hành xong quyết định ngày 29/12/2019.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/10/2020 đến nay. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 19 giờ 40 phút, ngày 01/10/2020, tại đầu hẻm số 1172 P.T.H, Phường N, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, Tổ tuần tra Công an Phường 5, Quận 8 phát hiện, nghi vấn Nguyễn Văn N và Lê Hoàng S có liên quan đến ma túy nên yêu cầu kiểm tra. Qua kiểm tra, Công an phát hiện trên tay trái của S 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, S và N cùng khai nhận đó là ma túy S vừa mua từ N để sử dụng. Công an thu giữ ma túy và đưa cả hai về trụ sở lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Ngoài ra, Công an còn tạm giữ của S 01 điện thoại di động hiệu Masstel và số tiền 50.000 đồng; tạm giữ của N số tiền 1.300.000 đồng. Vụ việc được chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an Quận 8 để điều tra, làm rõ.

Tại bản Kết luận giám định số: 1705/KLGD-H ngày 09/10/2020, Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê Hoàng S, dấu vân tay màu đỏ ghi tên Nguyễn Văn N và hình dấu Công an Phường 5, Quận 8 là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2910g (không phẩy hai chín một không gam), loại Methamphetamine.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn N và Lê Hoàng S khai nhận: Để có tiền tiêu xài, N nảy sinh ý định bán trái phép chất ma túy. Từ ngày 28/9/2020, N đến khu vực hẻm chợ L thuộc Phường S, Quận T gặp một người tên Hồ (không rõ lai lịch) để mua ma túy về bán lại kiếm lời. Do nghiện ma túy, S liên hệ mua ma túy của N 02 lần, cụ thể:

Lần thứ nhất, khoảng 18 giờ ngày 28/9/2020, S sử dụng thuê bao số 0933.746182 gọi đến số thuê bao 0769.146.212 của N hỏi mua một gói ma túy tổng hợp với giá 250.000 đồng. Để có ma túy bán cho S, N liên hệ mua của Hồ 01 gói ma túy tổng hợp với giá 200.000 đồng, sau đó mang đến hẻm 1172 P.T.H, Phường N, Quận T bán lại cho S với giá 250.000 đồng, thu lợi 50.000 đồng, đã tiêu xài cá nhân hết.

Lần thứ hai, cùng phương thức như trên, khoảng 19 giờ ngày 01/10/2020, S liên hệ hỏi mua của N 01 gói ma túy tổng hợp với giá 250.000 đồng. N mang ma túy đến đầu hẻm 1172 P.T.H, Phường N, Quận T bán cho S và nhận từ S số tiền 300.000 đồng, N thối lại cho S 50.000 đồng thì bị Công an phát hiện bắt quả tang như trên.

Chiếc điện thoại di động màu đỏ hiệu “Masstel” là của Lê Hoàng S có dùng để liên lạc với N mua ma túy. Số tiền 50.000 đồng tạm giữ của S là tiền mua ma túy. Số tiền 1.300.000 đồng tạm giữ của N, trong đó có 300.000 đồng là tiền bán ma túy cho S, số tiền 1.000.000 đồng còn lại là tiền cá nhân của N, không liên quan đến việc mua bán ma túy.

Tại bản Cáo trạng số 18/CT-VKS ngày 30/12/2020, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Văn N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và truy tố bị cáo Lê Hoàng S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa,

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị như sau:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N từ 07 năm 9 tháng đến 08 năm 9 tháng tù và phạt bổ sung bị cáo N số tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng; Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Lê Hoàng S từ 01 năm 9 tháng đến 02 năm 6 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo S.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy tạm giữ của các bị cáo; tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động, số tiền 50.000 đồng tạm giữ của bị cáo S và 300.000 đồng tạm giữ của bị cáo N; trả lại bị cáo N số tiền 1.000.000 đồng.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận; các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 8, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào lúc 19 giờ 40 phút, ngày 01/10/2020, tại đầu hẻm 1172 P.T.H, Phường N, Quận T, Thành Phố Hồ Chí Minh, bị cáo Lê Hoàng S bị bắt quả tang có hành vi cất giữ trái phép chất ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,2910 gam, loại Methamphetamine, mục đích sử dụng. Đây là số ma túy S vừa mua từ bị cáo Nguyễn Văn N. Ngoài lần bán ma túy cho S bị bắt quả tang, trước đó N cũng đã bán cho S một gói ma túy vào ngày 28/9/2020.

[3] Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” như sau:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”

Và Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” như sau:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”

[4] Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy và an toàn xã hội. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Văn N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); hành vi của các bị cáo Lê Hoàng S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà các bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[6] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo N về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và truy tố bị cáo S về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Xét thấy hành vi của bị cáo N là nhằm mục đích thu lợi bất chính nên cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Hành vi của bị cáo S không nhằm mục đích thu lợi bất chính, đồng thời theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo S.

[8] Ngoài lần phạm tội này, trước đó các bị cáo còn bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính do nghiện và sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét để có mức hình phạt phù hợp với nhân thân từng bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ số ma túy trong gói niêm phong số 1705/Q8/2020, xét đây là vật cấm tàng trữ, lưu hành nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy.

[10] - 01 điện thoại di động hiệu Masstel và số tiền 50.000 đồng tạm giữ của bị cáo S, là phương tiện liên lạc và tiền mua ma túy nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[11] Số tiền 1.300.000 đồng tạm giữ của bị cáo N, trong đó có 300.000 đồng là tiền do bán ma túy mà có nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu nộp ngân sách Nhà nước; số tiền còn lại 1.000.000 đồng là tài sản cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo N.

[12] Đối với người thanh niên tên Hồ bán ma túy cho bị cáo N, do không xác định được lai lịch, quá trình điều tra không đưa vào tham gia tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này.

[13] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và bị cáo Lê Hoàng S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ vào điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 07 (bảy) năm 9 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/10/2020.

Phạt bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng S 01 (một) năm 9 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/10/2020.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm a khoản 2 và điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) gói niêm phong ghi số: 1705/Q8/2020, bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê Hoàng S, dấu vân tay màu đỏ ghi tên Nguyễn Văn N và hình dấu Công an Phường 5, Quận 8, chữ ký ghi tên giám định viên Bùi Công Danh và cán bộ Huỳnh Hiếu Trung.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước:

+ 01 (một) điện thoại di động màu đỏ hiệu “Masstel”;

+ Số tiền 50.000 (năm mươi nghìn) đồng tạm giữ của bị cáo S và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm giữ của bị cáo N.

Trả lại bị cáo Nguyễn Văn N số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng.

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 11/12/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8 và Giấy nộp tiền ngày 14/12/2020)

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc mỗi bị cáo Nguyễn Văn N và Lê Hoàng S nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TA ND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc